UBND TỈNH LAI CHÂU **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7125 /KH-SNNMT	*Lai Châu, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Kế hoạch 8421/KH-UBND ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách TTHC, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 8421/KH-UBND ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, điều kiện thực tiễn của tỉnh và yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp; xác định rõ trách nhiệm, tiến độ và sản phẩm đầu ra của từng phòng, đơn vị.

b) Đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực đất đai, môi trường, tài nguyên nước, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở, góp phần khơi thông nguồn lực, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

c) Đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng chuyển từ kiểm soát thủ tục sang kiểm soát chi phí tuân thủ; từ quản lý hồ sơ sang quản lý, khai thác dữ liệu; từ tiền kiểm sang phục vụ và hậu kiểm dựa trên quản trị rủi ro, mức độ tuân thủ pháp luật. Lấy người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức, cá nhân làm đối tượng phục vụ.

2. Yêu cầu

a) Triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ tiến độ và rõ kết quả. Người đứng đầu các

phòng, đơn vị thuộc Sở trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả cải cách TTHC thuộc phạm vi quản lý. Gắn cải cách TTHC với chuyển đổi số, phân cấp, ủy quyền, nâng cao năng lực thực thi công vụ, tăng cường kiểm tra, giám sát, trách nhiệm giải trình; tập trung rà soát, đơn giản hóa quy trình, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

b) Bám sát đặc điểm địa bàn và yêu cầu thực tiễn của ngành nông nghiệp và môi trường, nhất là khu vực đô thị, nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn xa trung tâm. Ưu tiên rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực có nhiều hồ sơ, tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh; bố trí phương thức hướng dẫn, hỗ trợ phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ công.

c) Kế thừa, phát huy các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính và chuyển đổi số của tỉnh; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, không trùng lặp nhiệm vụ, đầu tư hệ thống hoặc phát sinh báo cáo không cần thiết. Việc rà soát, cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu điện tử, tái cấu trúc quy trình phải đúng thẩm quyền, quy định pháp luật và phù hợp khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu. Không tự đặt thêm thành phần hồ sơ, điều kiện, yêu cầu hoặc quy trình ngoài quy định; bảo đảm giảm thời gian, chi phí và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

d) Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước trong toàn bộ quá trình giải quyết TTHC; duy trì việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả liên tục, thông suốt. Các phòng, đơn vị và cơ quan liên quan chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ, không làm thay trách nhiệ m giải quyết hồ sơ của đơn vị chuyên môn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng đơn giản, minh bạch, hiện đại và hiệu quả; rà soát, cắt giảm TTHC, điều kiện kinh doanh, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm dựa trên quản trị rủi ro và tăng cường giám sát bằng dữ liệu thời gian thực. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Không làm phát sinh thêm TTHC, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết trong lĩnh vực nông nghiệp và môi

trường so với kết quả phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo các Nghị quyết của Chính phủ thực hiện Kết luận số 18-KL/TW; tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC thuộc phạm vi quản lý của Sở, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.

b) Đến năm 2027, 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa, lưu trữ, khai thác, tái sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước. Không yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

c) Đến năm 2027, 100% TTHC nội bộ giữa Sở và các cơ quan hành chính nhà nước đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường điện tử.

d) Đến năm 2027, 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở đủ điều kiện được thực hiện điện tử; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Đến năm 2030, 100% dịch vụ công thiết yếu đủ điều kiện được tiếp nhận, giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công; 100% dịch vụ công được cung cấp chủ động khi đã bảo đảm điều kiện về dữ liệu và hạ tầng số.

e) Đổi mới chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá cải cách TTHC trên cơ sở dữ liệu cập nhật theo thời gian thực; gắn kết quả cải cách với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Phấn đấu đến năm 2030, SIPAS đạt tối thiểu 95%; 100% phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả đúng hạn.

g) Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa, kiểm soát TTHC trên môi trường số, theo dữ liệu và vòng đời sự kiện của người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc cung cấp thông tin một lần. Khai thác hiệu quả Cổng Dịch vụ công quốc gia và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành, góp phần vận hành thông suốt mô hình "một cửa số" quốc gia.

(Các chỉ tiêu, thời hạn được xác định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Kế hoạch)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xác định rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và điều kiện thực hiện TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị, công chức. Tập trung rà soát TTHC về đất đai, môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp,

thủy lợi, thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt, phát triển nông thôn, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Thực hiện cải cách đồng bộ, có trọng tâm; rà soát cả TTHC đối với người dân, doanh nghiệp và TTHC nội bộ. Gắn cải cách với kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương; không để xảy ra tình trạng gây phiền hà, sách nhiễu, né tránh, đùn đẩy, yêu cầu hồ sơ hoặc điều kiện ngoài quy định. Kết quả cải cách là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường gắn với tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC, lấy dữ liệu làm nền tảng. Tập trung số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai, môi trường, tài nguyên nước, lâm nghiệp, nông nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Tăng cường kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. Rà soát, chuẩn hóa và công khai quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; thực hiện tích hợp, đồng bộ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

3. Rà soát TTHC thuộc phạm vi quản lý để tham mưu phân cấp, phân quyền, ủy quyền phù hợp pháp luật và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền. Đề xuất tăng cường phân cấp cho cấp cơ sở đối với các nội dung đủ điều kiện, nhất là TTHC phát sinh thường xuyên trong lĩnh vực đất đai, môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, bảo đảm giải quyết nhanh chóng, thuận lợi và sát thực tế.

4. Bảo đảm nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết; chủ động điều phối nguồn lực theo khối lượng công việc, không để quá tải, gián đoạn hoặc chậm trễ. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số, giao tiếp và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp; nâng cao trách nhiệm, thái độ phục vụ và năng lực thực thi của đội ngũ thực hiện TTHC.

5. Thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các phòng, đơn vị và cơ quan được phân cấp, ủy quyền. Kiểm tra việc thực hiện quy trình, thời hạn, thành phần hồ sơ, phí và lệ phí; kịp thời chấn chỉnh việc tự đặt thêm hồ sơ, yêu cầu, điều kiện hoặc quy trình ngoài quy định. Theo dõi tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, quá hạn, hồ sơ trực tuyến và mức độ hài lòng để kịp thời khắc phục hạn chế.

6. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, hợp tác xã, hộ sản xuất và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phù hợp với đặc điểm miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh Lai Châu. Tăng cường lấy ý kiến, tham vấn người dân, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan trong rà soát, xây dựng, sửa đổi, đơn giản hóa TTHC, nhất là trên môi trường điện tử. Nâng cao chất lượng xử lý phản ánh, kiến nghị; định kỳ đối thoại để tháo gỡ khó khăn và tiếp thu sáng kiến cải cách.

7. Rà soát quy định pháp luật và TTHC để kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh cắt giảm, đơn giản hóa những TTHC, điều kiện không còn phù hợp hoặc có chi phí tuân thủ cao. Đề xuất phân cấp, phân quyền phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, gắn thẩm quyền với nguồn lực và trách nhiệm; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành TTHC, không phát sinh thêm hồ sơ, yêu cầu, điều kiện trái quy định.

8. Rà soát, nâng cấp hạ tầng, thiết bị, đường truyền và các điều kiện bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; ưu tiên khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm hệ thống giải quyết TTHC hoạt động ổn định, liên tục. Bảo đảm an toàn dữ liệu, nhất là dữ liệu đất đai, tài nguyên, môi trường và dữ liệu chuyên ngành quan trọng; thực hiện nghiêm quy định về bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin trong số hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

9. Triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến tại khu vực công cộng, trung tâm hành chính và địa bàn khó khăn; từng bước xây dựng điểm hỗ trợ, thiết bị tra cứu, nộp hồ sơ và thực hiện TTHC trực tuyến; khuyến khích định danh, xác thực điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt. Quan tâm hỗ trợ người dân vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm hạn chế về kỹ năng số.

10. Thực hiện hiệu quả các TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp lựa chọn nơi nộp hồ sơ phù hợp với nơi cư trú, sản xuất, kinh doanh, học tập và làm việc.

(Phân công nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, phối hợp, thời hạn và sản phẩm cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chỉ đạo, chịu trách nhiệm về kết quả cải cách TTHC thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai kế hoạch, xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ và trách nhiệm thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xử lý khó khăn, vướng mắc. Chỉ đạo rà soát, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến, kết nối và khai thác dữ liệu; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn,

tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị. Gắn kết quả cải cách TTHC với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

2. Văn phòng Sở

Là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Sở theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả cải cách TTHC; chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch, báo cáo và các văn bản triển khai.

Chủ trì, phối hợp rà soát, kiểm soát, công bố, công khai TTHC, quy trình nội bộ, quy trình điện tử; theo dõi chất lượng giải quyết TTHC, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kết quả thực hiện của các phòng, đơn vị để báo cáo theo quy định.

3. Các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở

Chủ động thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách, chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện. Thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đơn giản hóa các quy định, quy trình, thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết không còn phù hợp.

Thực hiện số hóa, khai thác, chia sẻ dữ liệu; giải quyết TTHC đúng hạn, hướng dẫn đầy đủ, không gây phiền hà, không yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có theo quy định. Phối hợp thực hiện liên thông, phân cấp, ủy quyền; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc và cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn thông tin, số liệu phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo.

4. Kiểm tra, giám sát và báo cáo

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tiến độ, kịp thời chấn chỉnh hạn chế và xử lý trách nhiệm đối với trường hợp chậm trễ, thiếu trách nhiệm. Kết quả cải cách TTHC là một trong các nội dung xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân. Văn phòng Sở tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Sở báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị kịp thời báo cáo về Văn phòng Sở để tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Sở xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT.

Ký bởi: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

Ngô Xuân Hùng